TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 118/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 14/12/2018.
Về việc: "Xin ly hôn".

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lê Văn An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Võ ThA Bình.

2/. Bà Phạm Hồng Gái.

Thư ký phiên toà: Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 14 tháng 12 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 277/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc: "*Xin ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2018/QĐST – HNGĐ, ngày 28/11/2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: A **Võ Ngọc A** sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 17, ấp Lình Huỳnh, xã Lình Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Chị **Chiêm Thị T** (Thủy), sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 17, ấp Lình Huỳnh, xã Lình Huỳnh, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn A Võ Ngọc A trình bày như sau:

- Về hôn nhân: A Võ Ngọc A và chị Chiêm Thị T được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn với nhau và chưa được cơ quan có thẩm quyền nào cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn với nhau được một thời gian thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do giữa A chị không cùng quan

điểm sống, hay cải vã nhau. Từ năm 2013 chị T tự ý về nhà mẹ ruột sống cho đến nay và A chị cũng ly thân từ đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt mục đích, nên A Ngọc A yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa A và chị T là vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình chung sống A Ngọc A và chị T có hai người con chung tên Võ Công Tính, sinh ngày 06/8/1999 và cháu Võ Quỳnh Như, sinh ngày 24/12/2004. Hiện tại các con chung đang sống cùng A Ngọc A. Ly hôn A Ngọc A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Võ Quỳnh Như đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, còn cháu Võ Công Tính hiện nay đã lớn, cháu muốn sống với ai là quyền quyết định của cháu.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Chiêm Thị T trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị T vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tr A luận tại phiên toà Hội đồng xét x ử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng vẫn vắng mặt đến lần thứ hai. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Đối với trA chấp về hôn nhân gia đình giữa A Võ Ngọc A với chị Chiêm Thị T. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án: A Võ Ngọc A và chị Chiêm Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn và chưa được cơ quan có thẩm quyền nào cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Việc này đã vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: *…1.“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan đăng ký*

kết hôn) thực hiện theo nghi thức tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo nghi thức tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý. Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng…".

Đồng thời tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *…1."Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tích. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý…".*

Như vậy việc A Ngọc A và chị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa A Võ Ngọc A và chị Chiêm Thị T không có giá trị pháp lý và không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay phía A Ngọc A trình bày sau khi chung sống với nhau một thời gian thì giữa A và chị T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được và hiện tại cũng đã ly thân với nhau từ năm 2013, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa A Ngọc A và chị T là không có giá trị pháp lý.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa A Ngọc A và chị T có hai người con chung tên Võ Công Tính, sinh ngày 06/8/1999 và cháu Võ Quỳnh Như, sinh ngày 24/12/2004. Hiện tại các con chung đang sống cùng A Ngọc A. Ly hôn A Ngọc A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Võ Quỳnh Như đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, còn cháu Võ Công Tính hiện nay đã lớn, cháu muốn sống với ai là quyền quyết định của cháu. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu Võ Quỳnh Như đang sống cùng với A Ngọc A, hiện do A Ngọc A nuôi dưỡng chăm sóc. Do đó cần giao cháu Như cho A Võ Ngọc A tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Như theo bản tự khai vào ngày 26/10/2018 cháu xin được ở với ba (tức A Ngọc A). Đối với cháu Tính hiện nay đã trên 18 tuổi, cháu Tính muốn ở với ai thì cháu tự quyết định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, do A Võ Ngọc A không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình: A Võ Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 8, Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Khoản 4 điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa A võ Ngọc A và chị Chiêm Thị T là vợ chồng.

2/. Về con chung: Giao cháu Võ Quỳnh Như, sinh ngày 24/12/2004 cho A Võ Ngọc A tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Chiêm Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do A Ngọc A không yêu cầu.

Đối với cháu Võ Công Tính đã trưởng thành trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử miễn xét.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : A Võ Ngọc A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006945 ngày 13/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó A Võ Ngọc A không phải nộp thêm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn An